

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2020/HNGĐ-PT

Ngày: 30-9-2020

V/v tranh chấp: “Xin ly hôn, Chia tài
sản chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Ngoan.

Các Thẩm phán: Ông Lê Hoàng Hiệp.

Ông Huỳnh Việt Trung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Công Danh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Ông Trần Minh Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2020/TLPT-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2020 về tranh chấp “Xin ly hôn, Chia tài sản chung”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 148/2020/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 401/2020/QĐ-PT ngày 03 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Lê Thanh T, sinh năm 1974 (có mặt);

Địa chỉ: Đường T, Khu phố M, Phường H, thị xã G, tỉnh Tiền Giang;

Tạm trú: Ấp T, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Anh Phạm Ngọc L, sinh năm 1974 (có mặt);

Địa chỉ: Đường T, Khu phố M, Phường H, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Võ Trọng K, Luật sư Chi nhánh Văn phòng luật sư Võ Trọng K thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng C;

Địa chỉ: Phố L, phường H, quận H, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T1 - Chức vụ Tổng Giám đốc;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn D - Chức vụ: Giám đốc Phòng Giao dịch thị xã G;

Đại diện theo ủy quyền của ông Duẩn: Bà Trần Thị Kim P - Chức vụ: Phó Giám đốc Phòng Giao dịch thị xã G (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Đường P, Khu phố M, Phường H, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

2. Ông Trần Văn H, sinh năm 1951 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn anh Phạm Ngọc L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo án sơ thẩm;*

Nguyên đơn chị Trần Lê Thanh T trình bày:

Chị và anh Phạm Ngọc L tiến đến hôn nhân do tự tìm hiểu và tự nguyện. Anh chị bắt đầu chung sống với nhau từ năm 1996; đến ngày 30/10/2000 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, thị xã G. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh L không quan tâm đến gia đình, vợ con; bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên cãi nhau, khi cãi nhau anh L thường đánh chị; anh L xúc phạm cha mẹ chị nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 5/2019 đến nay. Hiện tại, tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu ly hôn với anh L.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Phạm Trần Ngọc C1, sinh ngày 06/4/1997; Phạm Trần Chiến C2, sinh ngày 13/01/2000 và Phạm Trần Ngọc T2, sinh ngày 12/01/2010. Từ khi vợ chồng sống ly thân, các con sống với chị. Ly hôn, chị yêu cầu tiếp tục nuôi Phạm Trần Ngọc T2. Chi phí nuôi cháu T2 mỗi tháng khoảng 4.000.000 đồng nên chị yêu cầu anh L cấp dưỡng $\frac{1}{2}$ chi phí nuôi con, mỗi tháng là 2.000.000 đồng. Riêng Phạm Trần Ngọc C1 và Phạm Trần Chiến C2 đã trên 18 tuổi, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung:

- Thừa đất số 141, tờ bản đồ số 8, diện tích 102,8m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 066601, ngày 04/01/2005 do anh Phạm Ngọc L đứng tên; 01 căn nhà cấp 4, cất trên thửa 141 (nhà sau). Nhà và đất tại Đường T, Khu phố M, Phường H, thị xã G. Chị yêu cầu chia mỗi người $\frac{1}{2}$ nhà và đất. Giao anh L sở hữu nhà, sử dụng đất và yêu cầu anh L giao lại cho chị $\frac{1}{2}$ giá trị nhà, đất theo giá Hội đồng định giá đã định là 171.437.203 đồng (342.874.407 đồng : 2).

- Thừa đất số 657 và 2379, tờ bản đồ số 2, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 766670, cấp ngày 04/5/2013 do chị và anh L cùng đứng tên. Trên đất có 40 cây sori và hàng rào; đất tại Ấp T, xã L, thị xã G. Chị yêu cầu chia mỗi

người $\frac{1}{2}$ tài sản. Chị yêu cầu quản lý, sử dụng đất và tài sản trên đất. Chị sẽ giao lại anh L $\frac{1}{2}$ tài sản bằng giá trị theo giá Hội đồng định giá đã định là 77.225.030 đồng (154.450.060 đồng : 2).

- Về xe: Trong đơn chị có yêu cầu chia hai chiếc xe gắn máy. Chị xin rút lại yêu cầu, không yêu cầu chia hai chiếc xe.

Về nợ chung: Chị và anh L có vay của Ngân hàng C - Chi nhánh Tiền Giang - Phòng Giao dịch thị xã G (Ngân hàng) theo chương trình học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn. Vay cho con tên Phạm Trần Ngọc C1, số tiền là 48.000.000 đồng; vay cho con tên Phạm Trần Chiến C2 số tiền là 15.000.000 đồng. Sau khi vay, đã trả tiền lãi đến ngày 17/02/2020. Hiện còn nợ tiền vốn tổng cộng là 63.000.000 đồng và nợ tiền lãi từ ngày 17/02/2020 đến nay. Chị yêu cầu chia đôi số tiền nợ. Chị và anh L mỗi người trả cho Ngân hàng $\frac{1}{2}$ nợ vốn là 31.500.000 đồng và tiền lãi khi đến hạn. Riêng số tiền nợ ông Trần Văn H, do ông H không yêu cầu giải quyết nên chị không ý kiến.

Bị đơn anh Phạm Ngọc L trình bày:

Anh thống nhất theo lời trình bày của chị T về thời gian, điều kiện kết hôn. Mậu thuận vợ chồng phát sinh từ năm 2009, do bất đồng quan điểm nên thường cãi nhau. Gần đây, anh nghi ngờ chị T có quan hệ tình cảm với người khác nên khi cãi nhau, anh có đánh chị T. Do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung như chị T trình bày. Ly hôn anh đồng ý để chị T tiếp tục nuôi Phạm Trần Ngọc T2. Do thu nhập hàng tháng của anh khoảng 3.500.000 đồng nên chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu T2 mỗi tháng là 1.000.000 đồng. Riêng Phạm Trần Ngọc C1 và Phạm Trần Chiến C2 đã trên 18 tuổi nên không cấp dưỡng.

Về tài sản chung:

- Anh và chị T cùng đứng tên thửa đất 657 và 2379. Anh đồng ý chia mỗi người $\frac{1}{2}$ diện tích đất, cây trồng, hàng rào trên đất. Anh yêu cầu cắt chia đôi từng thửa đất; cắt dọc từ trước ra sau. Anh xin nhận $\frac{1}{2}$ diện tích thửa 2379 có cạnh hướng Nam giáp đất Nguyễn Văn T3; nhận $\frac{1}{2}$ diện tích thửa 657 có cạnh hướng Bắc giáp đất Nguyễn Văn T4.

- Anh và chị T có tạo dựng căn nhà trên thửa 141 (nhà sau). Anh đồng ý chia mỗi người $\frac{1}{2}$ căn nhà. Anh xin sở hữu nhà và giao lại chị T $\frac{1}{2}$ giá trị nhà theo giá Hội đồng định giá đã định là 66.581.203 đồng.

- Riêng thửa đất 141, là tài sản của riêng cá nhân anh, không phải tài sản chung vợ chồng vì khi mẹ anh cho đất, chỉ cho riêng anh. Trong nội dung Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 15/11/2009, tại phần xác nhận của Ủy ban nhân dân Phường H, có ghi: “Chủ sử dụng đất: Bà Lê Thị L1 hưởng thừa kế và chuyển nhượng cho con ruột”. Do thửa đất 141 là tài sản riêng nên không đồng ý chia cho chị T $\frac{1}{2}$ thửa đất.

Về nợ chung: Anh và chị T có vay tiền của Ngân hàng như chị T trình bày. Đến nay, còn nợ tổng cộng tiền vốn là 63.000.000 đồng và nợ tiền lãi từ ngày 17/02/2020 đến nay. Đồng ý chia đôi số tiền nợ, anh và chị T mỗi người trả cho ngân hàng $\frac{1}{2}$ nợ vốn là 31.500.000 đồng và tiền lãi khi đến hạn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng C, có đại diện là bà Trần Thị Kim P trình bày:

Anh Phạm Ngọc L và chị Trần Lê Thanh T có vay của Ngân hàng theo chương trình học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, theo hai hợp đồng, cụ thể như sau:

Lần 1: Vay cho sinh viên Phạm Trần Ngọc C1. Số tiền vay là 48.000.000 đồng, lãi suất 8,58%/năm. Sau khi vay đã trả lãi đến ngày 17/02/2020. Hiện còn nợ tiền vốn là 48.000.000 đồng, tiền lãi đến ngày 17/02/2020 là 348.000 đồng.

Lần 2: Vay cho sinh viên Phạm Trần Chiến C2. Số tiền vay là 15.000.000 đồng, lãi suất 6,6%/năm. Sau khi vay đã trả lãi đến ngày 17/02/2020. Hiện còn nợ tiền vốn là 15.000.000 đồng, tiền lãi đến ngày 17/02/2020 là 110.000 đồng.

Tổng cộng hai khoản vay, anh L và chị T còn nợ tiền vốn là 63.000.000 đồng và tiền lãi đến ngày 21/5/2020 là 1.526.497 đồng.

Theo Bảng kê tính lãi ngày 21/5/2020, Ngân hàng xác định đến ngày 21/5/2020, anh L và chị T còn nợ Ngân hàng số tiền vốn là 63.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 21/5/2020 là 1.526.497 đồng. Ngân hàng yêu cầu anh L và chị T cùng có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền nợ vốn, lãi đến ngày 21/5/2020, tổng cộng là 64.526.497 đồng (63.000.000 đồng tiền vốn và 1.526.497 đồng tiền lãi). Yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn H trình bày:

Vào năm 2004, ông có cho chị T và anh L mượn tiền để cất nhà. Khi mượn tiền hai bên thỏa thuận quy đổi tiền tương đương 30 chỉ vàng 24K. Sau khi vay đến nay, anh L và chị T vẫn chưa trả cho ông. Nay ông không yêu cầu anh L và chị T trả trong cùng vụ kiện này.

* Tại phiên tòa sơ thẩm:

Về con chung: Chị T thay đổi mức cấp dưỡng, yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi cháu T2 mỗi tháng 1.000.000 đồng. Anh L đồng ý với mức cấp dưỡng này.

Về tài sản chung:

- Chị T xin rút yêu cầu chia thừa đất 141 và 02 chiếc xe gắn máy.

- Đối với hai thửa đất 657, 2379, cây trồng, và hàng rào trên đất: Chị T yêu cầu được sử dụng toàn bộ đất, cây trồng, hàng rào trên đất và sẽ giao lại anh L $\frac{1}{2}$ tài sản bằng giá trị. Anh L yêu cầu chia mỗi người $\frac{1}{2}$ diện tích từng thửa đất và tài sản trên đất; anh xin nhận $\frac{1}{2}$ thửa 2379 có cạnh giáp đất Nguyễn Văn T3, nhận $\frac{1}{2}$ thửa 657 có cạnh giáp đất Nguyễn Văn T4.

* Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 148/2020/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng các Điều 55, 57, 81, 82, 83, 107, 110 và 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 28, khoản 2 và 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Lê Thanh T và anh Phạm Ngọc L.

Chị Trần Lê Thanh T và anh Phạm Ngọc L được ly hôn với nhau.

2. Về con và cấp dưỡng nuôi con: Giao chị Trần Lê Thanh T được tiếp tục nuôi con tên Phạm Trần Ngọc T2, sinh ngày 12/01/2010. Anh Phạm Ngọc L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi Phạm Trần Ngọc T2 mỗi tháng là 1.000.000 đồng đến khi con đủ 18 tuổi, lao động được.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản:

Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của chị Trần Lê Thanh T: Chia cho chị Trần Lê Thanh T và anh Phạm Ngọc L mỗi người $\frac{1}{2}$ căn nhà. Giao cho anh L sở hữu nhà. Anh L có nghĩa vụ giao lại cho chị T $\frac{1}{2}$ giá trị nhà là 66.581.203 (*sáu mươi sáu triệu năm trăm tám mươi một ngàn hai trăm lẻ ba*) đồng. (Nhà cất trên thửa đất 141, thuộc tờ bản đồ số 8, diện tích 102,8m²; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 066601, ngày 04/01/2005 do anh Phạm Ngọc L đứng tên). Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của anh Phạm Ngọc L: Chia cho anh Phạm Ngọc L và chị Trần Lê Thanh T mỗi người $\frac{1}{2}$ thửa đất 657, 2379; cây trồng và hàng rào trên đất. Giao cho chị T quản lý, sử dụng. Chị T có nghĩa vụ giao lại cho anh L $\frac{1}{2}$ đất, cây trồng và hàng rào bằng giá trị là 77.225.030 (*bảy mươi bảy triệu hai trăm hai mươi lăm ngàn không trăm ba mươi*) đồng. (Thửa đất 657, 2379 thuộc tờ bản đồ số 2; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 766670, ngày 04/5/2013 do chị T và anh L đứng tên). Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

(*Tất cả có sơ đồ phân đất tranh chấp kèm theo*).

Anh Phạm Ngọc L và chị Trần Lê Thanh T có nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục cấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà như phần quyết định trên, theo quy định pháp luật. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Đình chỉ xét xử yêu cầu của chị Trần Lê Thanh T đối với yêu cầu chia thừa đất 141, tờ bản đồ số 8, diện tích 102,8m², Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 066601, ngày 04/01/2005 do anh Phạm Ngọc L đứng tên; 02 xe gắn máy.

4. Về nợ: Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng C - Chi nhánh Tiền Giang - Phòng Giao dịch thị xã G.

Anh Phạm Ngọc L có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng C - Chi nhánh Tiền Giang - Phòng Giao dịch thị xã G số tiền nợ vốn, lãi tính đến ngày 21/5/2020 là 32.263.248 đồng. Trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật và trả lãi tiếp từ ngày 22/5/2020 đến khi trả xong nợ với lãi suất theo hợp đồng.

- Chị Trần Lê Thanh T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng C - Chi nhánh Tiền Giang - Phòng Giao dịch thị xã G số tiền nợ vốn, lãi tính đến ngày 21/5/2020 là 32.263.248 đồng. Trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật và trả lãi tiếp từ ngày 22/5/2020 đến khi trả xong nợ với lãi suất theo hợp đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 03/6/2020, bị đơn anh Phạm Ngọc L có đơn kháng cáo với nội dung: Anh Phạm Ngọc L kháng cáo một phần Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 148/2020/HNGĐ-ST ngày 21/5/2020 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại phần định giá nhà trên thửa đất số 141, tờ bản đồ số 8, diện tích 102,8m² tại Khu phố M, Phường H, thị xã G, tỉnh Tiền Giang và chia một phần đất trong hai thửa đất số 657, 2379 đất tại Ấp T, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

** Tại phiên tòa phúc thẩm;*

Nguyên đơn chị Trần Lê Thanh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện;

Bị đơn anh Phạm Ngọc L rút lại một phần yêu cầu phản tố và yêu cầu kháng cáo. Cụ thể, anh Phạm Ngọc L yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét lại giá trị căn nhà sau trên thửa đất số 141, tờ bản đồ số 8, diện tích 102,8m² tại Khu phố M, Phường H, thị xã G, tỉnh Tiền Giang; không yêu cầu chia tài sản chung là 02 thửa đất số 657, 2379 tại Ấp T, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

Anh Phạm Ngọc L và chị Trần Lê Thanh T đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận việc anh chị thỏa thuận:

- Chuyển quyền sử dụng 02 thửa đất số 657, 2379 tại Ấp T, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang và các tài sản trên đất cho 03 con chung Phạm Trần Ngọc C1, sinh ngày 06/4/1997; Phạm Trần Chiến C2, sinh ngày 13/01/2000 và Phạm Trần Ngọc T2, sinh ngày 12/01/2010. Giao Phạm Trần Ngọc C1 đại diện đứng tên quyền sử dụng đất;

- Chị Trần Lê Thanh T được quyền sinh sống cùng với 03 con chung trên 02 thửa đất 657, 2379 tại Ấp T, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang cho đến khi chị T lập gia đình mới;

- Chị Trần Lê Thanh T trả lại anh Phạm Ngọc L Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 141 và Sổ hộ khẩu gia đình khi làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho 03 con chung.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng C vẫn giữ nguyên yêu cầu độc lập và có Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn Luật sư Võ Trọng K vắng mặt nhưng có gửi văn bản ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Phạm Ngọc L: Anh L có nghĩa vụ giao lại cho chị T $\frac{1}{2}$ giá trị nhà là 40.267.071 đồng Giang theo Chứng thư thẩm định giá của Công ty Cổ phần Thẩm định giá S. Chia cho anh L thửa đất số 2379, cây trồng và hàng rào trên đất, anh L sẽ chừa lối đi vào thửa đất số 657 cho chị T; chia cho chị T thửa đất số 657; cả hai thửa đất đều tọa lạc tại Ấp T, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang; giá trị phần đất của bên nào cao hơn thì hoàn lại giá trị chênh lệch cho bên kia theo Chứng thư thẩm định giá của Công ty Cổ phần Thẩm định giá S.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giao căn nhà trên thửa đất 141 cho anh L quản lý, anh L có trách nhiệm hoàn lại $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà theo Chứng thư thẩm định giá là 40.267.071 đồng cho chị T; ghi nhận thỏa thuận của anh L và chị T chuyển quyền sử dụng hai thửa đất 657 và 2379 cho 03 người con của anh chị là Phạm Trần Ngọc C1, Phạm Trần Chiến C2, và Phạm Trần Ngọc T2, giao cháu Phạm Trần Ngọc C1 đại diện đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chị Trần Lê Thanh T được quyền sinh sống cùng các con trên thửa đất nêu trên, chị T có nghĩa vụ hoàn trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất 141 và Sổ hộ khẩu cho anh L; các phần khác của bản án, các đương sự không có ý kiến gì nên đề nghị giữ nguyên.

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý, giải quyết vụ án và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “Xin ly hôn, Chia tài sản chung” đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật.

Anh Phạm Ngọc L nộp đơn kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn anh Phạm Ngọc L rút lại một phần yêu cầu phản tố và yêu cầu kháng cáo; cụ thể, anh chỉ yêu cầu xem xét lại giá trị căn nhà sau trên thửa đất số 141, không yêu cầu chia tài sản chung là 02 thửa đất số 657 và 2379. Nguyên đơn chị Trần Lê Thanh T đồng ý việc rút một phần yêu cầu phản tố và yêu cầu kháng cáo của anh Phạm Ngọc L. Đồng thời, anh chị đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận các thỏa thuận của anh chị để làm cơ sở giải quyết tranh chấp phát sinh (nếu có) sau này.

Qua xem xét, Hội đồng xét xử nhận thấy:

* Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 16/9/2020, anh Phạm Ngọc L cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm có sai sót trong việc đo đạc diện tích căn nhà trên thửa 141, dẫn đến việc định giá sai giá trị căn nhà nên yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm định giá lại. Xét thấy yêu cầu của anh L là có cơ sở, để đảm bảo tính khách quan trong việc giải quyết vụ án, Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành định giá lại theo yêu cầu của anh L.

Sau khi định giá lại, theo Chứng thư thẩm định giá của Công ty Cổ phần Thẩm định giá S, căn nhà trên thửa 141 có diện tích: nhà chính 35,69m², nhà phụ 17,04m²; trị giá 80.534.142 đồng. Chị Trần Lê Thanh T và anh Phạm Ngọc L đều thống nhất với kết quả định giá này. Do đó, trên cơ sở xem xét ý kiến của chị T, yêu cầu kháng cáo của anh L, Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao căn nhà trên thửa đất số 141 cho anh L sở hữu; anh L có nghĩa vụ giao lại ½ giá trị căn nhà là 40.267.071 đồng cho chị T khi án có hiệu lực pháp luật.

* Đối với việc anh Phạm Ngọc L rút lại yêu cầu chia tài sản chung là 02 thửa đất số 657 và 2379; đất tọa lạc tại Ấp T, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang; Hội đồng xét xử xét thấy:

Việc rút lại yêu cầu chia 02 thửa đất số 657 và 2379 của anh L là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội; đồng thời được sự đồng ý của chị T nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

* Về việc anh Phạm Ngọc L và chị Trần Lê Thanh T đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận việc anh chị thỏa thuận:

- Chuyển quyền sử dụng 02 thửa đất số 657, 2379 tại Ấp T, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang và các tài sản trên đất cho 03 con chung Phạm Trần Ngọc C1, sinh ngày 06/4/1997; Phạm Trần Chiến C2, sinh ngày 13/01/2000 và Phạm Trần Ngọc T2, sinh ngày 12/01/2010. Giao Phạm Trần Ngọc C1 đại diện đứng tên quyền sử dụng đất;

- Chị Trần Lê Thanh T được quyền sinh sống cùng với 03 con chung trên 02 thửa đất 657, 2379 tại Ấp T, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang cho đến khi chị T lập gia đình mới;

- Chị Trần Lê Thanh T trả lại anh Phạm Ngọc L Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Sổ hộ khẩu gia đình khi làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho 03 con chung.

Các thỏa thuận trên của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội; anh chị đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận các thỏa thuận để làm cơ sở giải quyết tranh chấp phát sinh (nếu có) sau này. Xét thấy, các thỏa thuận trên của chị T và anh L không thuộc phạm vi giải quyết vụ án của Tòa án (do các anh chị không yêu cầu), tuy nhiên anh chị có yêu cầu Hội đồng xét xử ghi nhận vào bản án để có cơ sở giải quyết tranh chấp phát sinh (nếu có) sau này nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

* Từ những nhận định trên, xét yêu cầu kháng cáo của anh Phạm Ngọc L là có cơ sở nên Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm, chia lại giá trị căn nhà trên thửa 141, giao anh L sở hữu căn nhà, anh L có trách nhiệm hoàn lại chị T $\frac{1}{2}$ giá trị nhà là 40.267.071 đồng; đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của anh L về việc chia 02 thửa đất số 657 và 2379; ghi nhận các thỏa thuận của chị T và anh L về việc chuyển quyền sử dụng 02 thửa đất số 657, 2379 và các tài sản trên đất cho 03 con chung của anh chị tên Phạm Trần Ngọc C1, Phạm Trần Chiến C2, và Phạm Trần Ngọc T2, giao cháu Phạm Trần Ngọc C1 đại diện đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chị Trần Lê Thanh T được quyền sinh sống cùng các con trên thửa đất nêu trên, chị T có nghĩa vụ hoàn trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất 141 và Sổ hộ khẩu cho anh L.

* Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

* Xét ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn chỉ phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên chỉ được chấp nhận một phần.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do sửa án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm; nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm của chị Trần Lê Thanh T và anh Phạm Ngọc L sẽ được xác định lại theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 147, Điều 148, khoản 2 Điều 244 và điểm c khoản 1 Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 57, 81, 82, 83, 107, 110 và 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các Điều 357, 463, 466 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

* Đình chỉ một phần yêu cầu kháng cáo của anh Phạm Ngọc L về việc yêu cầu chia một phần đất trong hai thửa đất số 657, 2379; đất tại Ấp T, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

* Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của anh Phạm Ngọc L về việc định giá nhà trên thửa đất số 141, tờ bản đồ số 8, diện tích 102,8m² tại Khu phố M, Phường H, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

* Sửa một phần Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 148/2020/HNGĐ-ST ngày 21/5/2020 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Lê Thanh T và anh Phạm Ngọc L.

2. Về con chung: Giao chị Trần Lê Thanh T tiếp tục nuôi con chung tên Phạm Trần Ngọc T2, sinh ngày 12/01/2010. Anh Phạm Ngọc L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi Phạm Trần Ngọc T2 mỗi tháng là 1.000.000 đồng đến khi cháu T2 đủ 18 tuổi, lao động được. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung:

3.1. Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của chị Trần Lê Thanh T:

Chia cho chị Trần Lê Thanh T và anh Phạm Ngọc L mỗi người ½ căn nhà trên thửa đất số 141, tờ bản đồ số 8, diện tích 102,8m², Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 066601, ngày 04/01/2005 do anh Phạm Ngọc L đứng tên. Giao cho anh L sở hữu nhà. Anh L có nghĩa vụ giao lại cho chị T ½ giá trị nhà là 40.267.071 đồng. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh L chậm trả tiền thì còn phải trả lãi theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

3.2. Đình chỉ xét xử:

- Yêu cầu của anh Phạm Ngọc L về việc chia thửa đất số 657, 2379, cây trồng và hàng rào trên đất; đất tọa lạc tại Ấp T, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 766670, cấp ngày 04/5/2013 do chị Trần Lê Thanh T và anh Phạm Ngọc L cùng đứng tên.

- Yêu cầu của chị Trần Lê Thanh T đối với việc chia 02 xe gắn máy và thửa đất 141, tờ bản đồ số 8, diện tích 102,8m², Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 066601, ngày 04/01/2005 do anh Phạm Ngọc L đứng tên.

3.3. Ghi nhận việc chị Trần Lê Thanh T và anh Phạm Ngọc L thỏa thuận:

- Chuyển quyền sử dụng 02 thửa đất số 657, 2379 tại Ấp T, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 766670, cấp ngày 04/5/2013 do chị Trần Lê Thanh T và anh Phạm Ngọc L cùng đứng tên và các tài sản trên đất cho 03 con chung Phạm Trần Ngọc C1, sinh ngày 06/4/1997; Phạm Trần Chiến C2, sinh ngày 13/01/2000 và Phạm Trần Ngọc T2, sinh ngày 12/01/2010. Giao Phạm Trần Ngọc C1 đại diện đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

- Chị Trần Lê Thanh T được quyền sinh sống cùng với 03 con chung trên 02 thửa đất 657, 2379 tại Ấp T, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang cho đến khi chị T lập gia đình mới;

- Chị Trần Lê Thanh T trả lại anh Phạm Ngọc L Sổ hộ khẩu gia đình và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 066601, thửa đất số 141, tờ bản đồ số 8, diện tích 102,8m², được Ủy ban nhân dân thị xã G cấp ngày 04/01/2005 khi làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho 03 con chung.

Phạm Trần Ngọc C1, anh Phạm Ngọc L và chị Trần Lê Thanh T có quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

4. Về nợ chung: Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng C - Chi nhánh Tiền Giang - Phòng giao dịch thị xã G.

- Anh Phạm Ngọc L có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng C - Chi nhánh Tiền Giang - Phòng giao dịch thị xã G số tiền nợ vốn, lãi tính đến ngày 21/5/2020 là 32.263.248 (*ba mươi hai triệu hai trăm sáu mươi ba ngàn hai trăm bốn mươi tám*) đồng. Trả khi án có hiệu lực pháp luật và trả lãi tiếp từ ngày 22/5/2020 đến khi trả xong nợ với lãi suất theo hợp đồng.

- Chị Trần Lê Thanh T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng C - Chi nhánh Tiền Giang - Phòng giao dịch thị xã G số tiền nợ vốn, lãi tính đến ngày 21/5/2020 là 32.263.248 (*ba mươi hai triệu hai trăm sáu mươi ba ngàn hai trăm bốn mươi tám*) đồng. Trả khi án có hiệu lực pháp luật và trả lãi tiếp từ ngày 22/5/2020 đến khi trả xong nợ với lãi suất theo hợp đồng.

5. Về án phí:

5.1. Án phí sơ thẩm:

Chị Trần Lê Thanh T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 3.626.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng, chị T phải nộp 3.926.500 đồng án phí sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí đã nộp tổng cộng là 4.847.000 đồng theo biên lai số 43240 ngày 19/6/2019, biên

lai số 43371 ngày 29/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G. Như vậy, hoàn lại chi T 920.500 (*chín trăm hai mươi nghìn năm trăm*) đồng.

Anh Phạm Ngọc L phải nộp 300.000 đồng án cấp dưỡng nuôi con và 3.626.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng, anh L phải nộp 3.926.500 đồng án phí sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 1.554.500 đồng theo biên lai số 43316 ngày 05/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G. Như vậy, anh L còn phải nộp 2.372.000 (*hai triệu ba trăm bảy mươi hai nghìn*) đồng án phí.

Ngân hàng C - Chi nhánh Tiền Giang - Phòng Giao dịch thị xã G, ông Trần Văn H không phải nộp án phí.

5.2. Án phí phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn lại anh Phạm Ngọc L 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 43827 ngày 04/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thị xã G;
- CCTHADS thị xã G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Ngoan